TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tham gia phiên toà: Không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 10/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp F, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: ấp F, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Ncó mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2019; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 09/5/2019 và tại phiên toà chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung T tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11 ngày 26/02/2014). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/02/2016. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T ghen tuông vô cớ và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Vào tháng 7/2018, chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T một lần, sau đó chị muốn vợ chồng hàn gắn lại nên đã rút lại đơn kiện. Từ khi chị rút đơn

kiện lại cho đến nay, giữa chị với anh T không thể hàn gắn chung sống lại với nhau.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh T không còn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/02/2016 hiện nay đang sống với anh T, khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Trung T đúng theo quy định, nhưng anh T vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Trung T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do anh T có tính ghen tuông vô cớ, nên anh chị ly thân từ tháng 3/2018 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng chị hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án. Chứng tỏ rằng, không quan tâm gì đến hôn nhân của anh, anh cũng không muốn hàn gắn, chung sống lại với nhau. Mặc khác, vào tháng 7/2018, chị N đã làm đơn yêu cầu ly hôn với anh T một lần, sau đó chị muốn vợ chồng hàn gắn lại nên đã rút lại đơn kiện, theo chị N trình bày từ khi chị rút đơn yêu cầu ly hôn lại cho đến nay, giữa chị với anh T không thể hàn gắn, chung sống lại với nhau được. Xét thấy, đời sống chung của anh, chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh T có sinh được 01 đứa con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/02/2016, hiện nay đang sống với anh T. Tại phiên tòa, chị N đồng ý giao cháu N cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị N và anh T ly thân cho đến nay, cháu N do anh T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, anh T vẫn đảm bảo cho cháu N có cuộc sống ổn định, phát triển tốt, nghĩ nên tiếp tục giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh T không có ý kiến gì về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị N được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, chị N trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của chị N và anh T trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2, xét thấy anh T đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nguyễn Trung T, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 26/02/2014 của UBND xã P, huyện T.

Cho chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Trung T được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Trung T tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 29/02/2016, cho anh T nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N không cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005558 ngày 25/3/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND xã P;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ